BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2018/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành khoa học và công nghệ.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông tư này không quy định việc xét thăng hạng đặc cách theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 ngày 5 tháng 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp công lập tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I và kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

CHƯƠNG II
THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng

Việc cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập. Viên chức được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, được cấp có thẩm quyền cử dự thi.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng III (nghiên cứu viên, mã số V.05.01.03 hoặc kỹ sư, mã số V.05.02.07) đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng lên hạng II (nghiên cứu viên chính, mã số V.05.01.02 hoặc kỹ sư chính, mã số V.05.02.06).

Đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng II (nghiên cứu viên chính, mã số V.05.01.02 hoặc kỹ sư chính, mã số V.05.02.06) đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng lên hạng I (nghiên cứu viên cao cấp, mã số V.05.01.01, hoặc kỹ sư cao cấp, mã số V.05.02.05).

3. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV).

Điều 4. Nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng II lên hạng I

1. Môn thi kiến thức chung:

a) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, hiểu biết của viên chức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; xu hướng phát triển của khoa học và công nghệ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng I (60% nội dung thi) và hiểu biết về pháp luật viên chức (40% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Thi viết (tự luận);

c) Thời gian thi: 180 phút.

2. Môn thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực, kỹ năng đề xuất, xây dựng, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra trong thực tiễn, gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng I;

b) Hình thức thi: Thi viết thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, đề án hoặc dự án) và bảo vệ thuyết minh;

Yêu cầu đối với thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, không trùng lặp với các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện.

c) Thời gian thi: Viết thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ: 08 tiếng; bảo vệ thuyết minh nhiệm vụ: Tối đa 30 phút/thí sinh.

3. Môn thi ngoại ngữ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (vấn đáp) ở trình độ ngoại ngữ bậc 4 (tương đương cấp độ B2 khung Châu Âu) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: 04 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết);

c) Thời gian thi: Đọc, viết: 90 phút; vấn đáp (nghe, nói): 15 phút.

4. Môn thi tin học:

a) Nội dung thi: Kiểm tra trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính;

c) Thời gian thi: 45 phút.

Điều 5. Nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng III lên hạng II

1. Môn thi kiến thức chung:

a) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, hiểu biết của viên chức về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; xu hướng phát triển của khoa học và công nghệ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng II (60% nội dung thi) và hiểu biết về pháp luật viên chức (40% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm;

c) Thời gian thi: 45 phút.

2. Môn thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực, kỹ năng nghiên cứu, triển khai, đề xuất giải pháp giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ hạng II;

b) Hình thức thi: Thi viết (tự luận);

c) Thời gian thi: 180 phút.

3. Môn thi ngoại ngữ:

a) Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 (tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Thi viết;

c) Thời gian thi: 90 phút.

4. Môn thi tin học:

a) Nội dung thi: Kiểm tra trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 45 phút.

Điều 6. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và tin học

1. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với viên chức đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

b) Viên chức có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ (trường hợp viên chức chỉ có một bằng đại học chuyên ngành là ngoại ngữ thì không được miễn thi và phải đăng ký thi ngoại ngữ khác).

2. Điều kiện miễn thi môn tin học:

Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

CHƯƠNG III
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện tham dự xét thăng hạng

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập. Viên chức được dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng IV lên hạng III khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu, được cấp có thẩm quyền đề nghị xét thăng hạng.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp trợ lý nghiên cứu (hạng IV, mã số: V.05.01.04) đối với viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên (hạng III, mã số: V.05.01.03).

Đang giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên (hạng IV, mã số: V.05.02.08) đối với viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ sư (hạng III, mã số: V.05.02.07).

3. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự xét; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (hạng III, nghiên cứu viên hoặc kỹ sư) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.